

**DANH SÁCH TỔNG HỢP KẾT QUẢ DỰ KIẾN
SỐ NGÀY CÔNG TÁC XÃ HỘI SINH VIÊN ĐÃ THỰC HIỆN**

(Tính đến ngày 05/09/2021)

Khoa: Kỹ thuật công trình

Số ngày CTXH phải hoàn thành: 15

STT	MSSV	Họ và tên	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
1	DH81804245	Nguyễn Trường An	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_XD01
2	DH81801361	Đặng Hoàng Bi	17	-	-	-	-	17	-	-	0	D18_XD01
3	DH81806388	Lê Hoàng Quốc Duy	17	-	-	-	-	17	-	-	0	D18_XD01
4	DH81800045	Võ Khánh Duy	15.5	-	-	-	-	15.5	-	-	0	D18_XD01
5	DH81801180	Lê Thanh Bình Dương	17	-	-	-	-	17	-	-	0	D18_XD01
6	DH81802302	Lê Nguyễn Trường Giang	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D18_XD01
7	DH81801242	Trần Xuân Hậu	43.5	16	-	-	-	27.5	-	-	0	D18_XD01
8	DH81801447	Bùi Minh Hoàng	17	-	-	-	-	17	-	-	0	D18_XD01
9	DH81802779	Nguyễn Đỗ Xuân Hoàn; Huy	11	-	-	-	-	11	-	-	4	D18_XD01
10	DH81800900	Dương Trung Hưng	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_XD01
11	DH81802536	Phạm Đặng Hoàng Kha	17	-	-	-	-	17	-	-	0	D18_XD01
12	DH81808002	Lê Trần Nguyên Khang	17	-	-	-	-	17	-	-	0	D18_XD01
13	DH81802322	Trần Duy Khang	17	-	-	-	-	17	-	-	0	D18_XD01
14	DH81801078	Dương Huỳnh Anh Kiệt	4.5	-	-	-	-	4.5	-	-	10.5	D18_XD01
15	DH81800152	Trần Anh Kiệt	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_XD01
16	DH81802728	Lê Tường Lâm	17	-	-	-	-	17	-	-	0	D18_XD01
17	DH81802416	Nguyễn Hoàng Hồng Long	17	-	-	-	-	17	-	-	0	D18_XD01
18	DH81805053	Nguyễn Đắc Lương	17	-	-	-	-	17	-	-	0	D18_XD01
19	DH81800127	Nguyễn Hoài Nam	17	-	-	-	-	17	-	-	0	D18_XD01
20	DH81800200	Lê Huỳnh Nghĩa	5	-	-	-	-	5	-	-	10	D18_XD01
21	DH81802746	Trần Lê Hiếu Nghĩa	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_XD01
22	DH81806395	Hoàng Tấn Phát	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	12.5	D18_XD01
23	DH81801898	Lâm Khả Phi	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_XD01
24	DH81805326	Mã Trường Phi	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_XD01
25	DH81801966	Nguyễn Hoài Phú	17	-	-	-	-	17	-	-	0	D18_XD01
26	DH81800383	Nguyễn Tấn Phước	17	-	-	-	-	17	-	-	0	D18_XD01
27	DH81800979	Trần Văn Thanh	17.5	-	-	-	-	17.5	-	-	0	D18_XD01

STT	MSSV	Họ và tên	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
28	DH81805552	Vũ Duy Thanh	15	-	-	-	-	15	-	-	0	D18_XD01
29	DH81806192	Bùi Nguyễn Đình Thi	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_XD01
30	DH81802645	Lâm Gia Thịnh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_XD01
31	DH81805756	Phan Văn Tiến	17	-	-	-	-	17	-	-	0	D18_XD01
32	DH81805851	Huỳnh Trường Trí	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_XD01
33	DH81802472	Phạm Nguyễn Hoàng Trọng	17	-	-	-	-	17	-	-	0	D18_XD01
34	DH81805913	Nguyễn Quang Nhật Trường	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_XD01
35	DH81801075	Lê Huy Tướng	17	-	-	-	-	17	-	-	0	D18_XD01
36	DH81801458	Võ Quốc Việt	17	-	-	-	-	17	-	-	0	D18_XD01
37	DH81806076	Võ Nguyên Vương	17	-	-	-	-	17	-	-	0	D18_XD01
1	DH81804259	Đình Hoàng Hùng Anh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_XD02
2	DH81803813	Ngô Hùng Anh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_XD02
3	DH81803118	Phạm Tuấn Anh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_XD02
4	DH81803845	Nguyễn Thanh Bích	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_XD02
5	DH81804360	Đỗ Quốc Chiến	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_XD02
6	DH81803388	Phan Hoàng Chiến	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_XD02
7	DH81806460	Hồ Tiến Cường	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_XD02
8	DH81800590	Trần Công Điền	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_XD02
9	DH81804504	Nguyễn Hữu Đỉnh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_XD02
10	DH81804488	Nguyễn Ngọc Đức	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_XD02
11	DH81803678	Trương Minh Hải	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_XD02
12	DH81803549	Nguyễn Ngọc Mỹ	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_XD02
13	DH81803847	Nguyễn Võ Phước Nam	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_XD02
14	DH81801427	Phan Thị Quỳnh Ngân	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_XD02
15	DH81805187	Võ Tiến Nghĩa	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_XD02
16	DH81803073	Từ Thanh Nhật	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_XD02
17	DH81802901	Lê Thành Phát	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_XD02
18	DH81805314	Lê Trường Phát	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_XD02
19	DH81803141	Võ Kim Phát	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_XD02
20	DH81805339	Nguyễn Thanh Phong	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_XD02
21	DH81802027	Vô Văn Phúc	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_XD02
22	DH81803023	Trần Đình Phước	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_XD02
23	DH81805483	Nguyễn Quang Sến	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_XD02

STT	MSSV	Họ và tên	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
24	DH81803891	Trần Lê Đình Thanh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_XD02
25	DH81805562	Phạm Ngọc Thành	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D18_XD02
26	DH81801728	Trần Văn Thạnh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_XD02
27	DH81803202	Nguyễn Thành Thắng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_XD02
28	DH81805627	Phạm Văn Thịnh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_XD02
29	DH81805673	Huỳnh Văn Thuận	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_XD02
30	DH81805676	Nguyễn Hoài Thuận	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_XD02
31	DH81805721	Hồ Thị Thu Thủy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_XD02
32	DH81805743	Hà Nhật Tiến	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_XD02
33	DH81803200	Lê Đan Trình	5	-	-	-	-	5	-	-	10	D18_XD02
34	DH81806459	Trương Đắc Trường	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_XD02
35	DH81803790	Trần Doãn Tú	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_XD02
36	DH81802963	Nguyễn Hoàng Anh Tuấn	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_XD02
37	DH81805494	Trần Văn Tỷ	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_XD02
38	DH81803600	Hà Trí Văn	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_XD02
39	DH81806000	Lê Nguyễn Phương Vỹ	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_XD02
40	DH81803881	Nguyễn Hồng Vỹ	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_XD02
1	DH81900673	Trần Quang Bảo	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_XD01
2	DH81900671	Nguyễn Thanh Bình	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_XD01
3	DH81902976	Lưu Đức Chung	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_XD01
4	DH81900363	Võ Quang Dũng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_XD01
5	DH81901601	Nguyễn Ngọc Duy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_XD01
6	DH81903359	Phan Khánh Duy	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D19_XD01
7	DH81900441	Nguyễn Trương Đạo	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_XD01
8	DH81900672	Trần Hải Đăng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_XD01
9	DH81903439	Lê Tuấn Định	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_XD01
10	DH81903540	Lê Công Hậu	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_XD01
11	DH81903557	Nguyễn Chí Hiên	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_XD01
12	DH81903636	Bùi Tuấn Hùng	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D19_XD01
13	DH81900406	Nguyễn Minh Kha	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D19_XD01
14	DH81900233	Đặng Lê Duy Khang	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_XD01
15	DH81904205	Võ Hoàng Nhựt	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_XD01
16	DH81901606	Phạm Nguyễn En Ny	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D19_XD01

STT	MSSV	Họ và tên	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
17	DH81904305	Nguyễn Minh Quang	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_XD01
18	DH81900541	Nguyễn Tấn Tài	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_XD01
19	DH81901170	Bùi Thanh Tân	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D19_XD01
20	DH81901682	Trần Nguyễn Quốc Thái	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_XD01
21	DH81901449	Lê Quốc Thắng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_XD01
22	DH81901073	Hồ Thị Anh Thư	4	-	-	-	1	3	-	-	11	D19_XD01
23	DH81900668	Nguyễn Duy Tiến	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_XD01
24	DH81904661	Phạm Trung Tín	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_XD01
25	DH81903103	Nguyễn Đình Toàn	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_XD01
26	DH81904740	Nguyễn Đăng Triều	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_XD01
27	DH81904776	Quách Trung Trục	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_XD01
28	DH81905024	Nguyễn Thị Kim Yên	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_XD01
1	DH81901282	Hồ Trọng Châu	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_XD02
2	DH81905462	Lưu Văn Chiến	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_XD02
3	DH81902641	Cao Huy Chương	5	-	-	-	-	5	-	-	10	D19_XD02
4	DH81901542	Trần Ngô Cung	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_XD02
5	DH81901857	Huỳnh Minh Đăng	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_XD02
6	DH81905083	Lâm Trường Định	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_XD02
7	DH81905109	Dương Minh Hậu	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_XD02
8	DH81902200	Phạm Phan Hòa	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_XD02
9	DH81902244	Đình Quang Huy	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_XD02
10	DH81901468	Lê Trần Hoàng Huy	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D19_XD02
11	DH81902631	Mai Gia Huy	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_XD02
12	DH81905136	Lý Trung Kiên	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_XD02
13	DH81901214	Nguyễn Quốc Kiệt	6	-	-	-	-	6	-	-	9	D19_XD02
14	DH81900101	Nguyễn Quốc Kỳ	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_XD02
15	DH81902725	Trần Hoàng Long	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_XD02
16	DH81902772	Mai Thành Nam	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_XD02
17	DH81901586	Nguyễn Hữu Ngọc	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_XD02
18	DH81900340	Đoàn Minh Nhựt	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_XD02
19	DH81905605	Nguyễn Đức Phú	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_XD02
20	DH81902102	Trần Hoàng Phúc	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D19_XD02
21	DH81901703	Huỳnh Trần Thiện Quang	4	-	-	-	1	3	-	-	11	D19_XD02

STT	MSSV	Họ và tên	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
22	DH81905321	Nguyễn Vinh Quang	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_XD02
23	DH81905224	Phan Thanh Quốc	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_XD02
24	DH81905501	Nguyễn Mạnh Quỳnh	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D19_XD02
25	DH81904437	Nguyễn Ngọc Tấn	18.5	-	-	-	-	18.5	-	-	0	D19_XD02
26	DH81900374	Nguyễn Bá Thái	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_XD02
27	DH81902120	Nguyễn Minh Triết	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_XD02
28	DH81902189	Trương Minh Trọng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_XD02
29	DH81901559	Lê Duy Trường	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D19_XD02
30	DH81900471	Ngô Lập Trường	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_XD02
31	DH81900661	Trần Gia Trường	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_XD02
1	DH82003709	Bùi Thế Anh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_XD01
2	DH82002089	Nguyễn Nhật Duy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_XD01
3	DH82000207	Vô Hải Đăng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_XD01
4	DH82003406	Ngô Hoàng Hà	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_XD01
5	DH82003400	Nguyễn Hoàng Hào	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_XD01
6	DH82003586	Ng Hoàng Trung Hiền Hậu	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_XD01
7	DH82002028	Lê Bá Hồng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_XD01
8	DH82003179	Hồ Nguyễn Tường Huy	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D20_XD01
9	DH82003093	Hồ Phát Huy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_XD01
10	DH82000786	Dương Võ Duy Khánh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_XD01
11	DH82003529	Nguyễn Lê Nhật Khánh	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_XD01
12	DH82003441	Bùi Thế Khoa	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_XD01
13	DH82000367	Nguyễn Minh Khôi	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_XD01
14	DH82002131	Nguyễn Minh Mẫn	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_XD01
15	DH82000079	Nguyễn Gia Minh	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_XD01
16	DH82000954	Đặng Văn Nghĩa	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_XD01
17	DH82003043	Châu Trọng Nhân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_XD01
18	DH82002908	Nguyễn Thị Quỳnh Như	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_XD01
19	DH82003565	Đoàn Minh Phát	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_XD01
20	DH82002047	Nguyễn Hoàng Phi	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_XD01
21	DH82001375	Trần Hoàng Việt Phong	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_XD01
22	DH82000642	Trần Hồng Quân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_XD01
23	DH82003553	Ngô Thái Quốc	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_XD01

STT	MSSV	Họ và tên	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
24	DH82002576	Trương Đỗ Quyên	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_XD01
25	DH82000618	Vũ Văn Quyền	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_XD01
26	DH81904444	Nguyễn Hoàng Thái	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_XD01
27	DH82003608	Trần Quốc Thái	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_XD01
28	DH82003123	Trương Quốc Thái	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_XD01
29	DH82003767	Bá Đại Trung Thành	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_XD01
30	DH82000097	Lê Võ Minh Thiện	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_XD01
31	DH82001891	Dương Bảo Thiệp	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_XD01
32	DH82002116	Võ Minh Thuận	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_XD01
33	DH82000502	Huỳnh Hữu Tính	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_XD01
34	DH82003599	Nguyễn Lê Thị Đoan Trang	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_XD01
35	DH82002434	Hồ Thị Bích Trâm	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_XD01
36	DH82002987	Nguyễn Ngọc Văn	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_XD01
1	DH82003915	Đặng Minh Châu	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_XD02
2	DH82004522	Từ Thừa Chí	3	-	-	-	-	3	-	-	12	D20_XD02
3	DH82001516	Bùi Thanh Danh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_XD02
4	DH82004746	Thái Huy Dũng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_XD02
5	DH82004406	Nguyễn Văn út Em	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_XD02
6	DH82006525	Nguyễn Trung Hậu	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_XD02
7	DH82004742	Trần Quang Hậu	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_XD02
8	DH82006532	Trịnh Lý Hùng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_XD02
9	DH82004177	Từ Đạt Huy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_XD02
10	DH82004100	Cao Nam Khánh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_XD02
11	DH82006539	Nguyễn Phúc Minh Khoa	4.5	-	-	-	-	4.5	-	-	10.5	D20_XD02
12	DH82006542	Võ Thanh Lộc	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D20_XD02
13	DH82004755	Võ Thành Lộc	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_XD02
14	DH82004539	Hà Nhật Minh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_XD02
15	DH82006544	Lê Thị Kiều My	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D20_XD02
16	DH82004148	Võ Trung Nam	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_XD02
17	DH82004736	Phan Thanh Nhân	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_XD02
18	DH82006550	Nguyễn Minh Phúc	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_XD02
19	DH82004051	Nguyễn Nhật Trường Phước	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_XD02
20	DH82007215	Trần Minh Quân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_XD02

STT	MSSV	Họ và tên	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
21	DH82004118	Lê Phạm Tấn Tài	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_XD02
22	DH82003508	Phạm Quyết Thắng	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D20_XD02
23	DH82006557	Nguyễn Hồ Thanh Thiện	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_XD02
24	DH82004674	Lê Công Thịnh	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_XD02
25	DH82004484	Phạm Hồ Bảo Tiên	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_XD02
26	DH82006562	Lương Huỳnh Đình Trung	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_XD02
27	DH82004811	Nguyễn Như Trường	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_XD02
28	DH82004040	Nguyễn Ngọc Tuấn	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_XD02
29	DH82006564	Nguyễn Minh Việt	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_XD02

Tổng số SV: **201**

Đã hoàn thành: **23**

Chưa hoàn thành: **178**

***Ghi chú: Nội dung thực hiện**

- 1: Các chiến dịch tình nguyện
- 2: Hoạt động bảo vệ môi trường
- 3: Hoạt động tình nguyện chăm lo đối tượng chính sách, hoàn cảnh đặc biệt,...
- 4: Hiến máu nhân đạo
- 5: Các hoạt động công tác xã hội khác
- 6: Các hoạt động cứu trợ thiên tai
- 7: Các lớp học tình thương

Người lập bảng

(Đã ký)

KS. Nguyễn Thị Diễm Ngân

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 06 năm 2022

Phụ trách phòng công tác Sinh viên

(Đã ký)

ThS. Lê Thị Phương Hằng